

Bản án số: 100/2026/HS-ST

Ngày 28 - 4 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Lê Phương

2. Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2026/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2026/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Lê Văn D, tên gọi khác: không; sinh ngày: 09 tháng 9 năm 1973 tại tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ D, khu D, phường H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Phương H và bà Nguyễn Thị S (Sinh); có vợ là Vũ Thị L; có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh”; hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại: Ông Phạm Văn T, sinh năm: 1964; nơi cư trú: tổ C, khu C, phường V, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

+ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975; nơi cư trú: tổ C, khu C, phường V, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

+ Anh Phạm Văn K, sinh năm 1985; nơi cư trú: tổ H, khu H, phường B, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị T1, sinh năm 1986; nơi cư trú: tổ B, khu D, phường V, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Chị Vũ Thị H2; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 25 phút ngày 01/8/2025, Lê Văn D (có Giấy phép lái xe hạng B2) điều khiển xe ô tô biển số 14A-222.76, chở theo bạn là chị Vũ Thị H2 đi từ nhà D tại tổ D, khu D, phường H đến phường T để giải quyết công việc. Khi đi đến Cửa hàng X số 1 tại Km 113+600, Quốc lộ A thuộc tổ D, khu A, phường B thì D rẽ vào mua xăng. Khoảng 11 giờ 45 phút cùng ngày, sau khi mua xăng xong, D điều khiển xe ô tô 14A-222.76 đi từ Cửa hàng X số 1 ra Quốc lộ A để tiếp tục di chuyển về hướng ngã tư A. Khi xe ô tô của D đến sát mép đường bên phải theo hướng từ cầu B đi ngã tư A, D quan sát qua cánh cửa trước bên trái xe ô tô thì thấy xe gắn máy biển số 14AA-007.19 do ông Phạm Văn T điều khiển đi trên làn đường sát mép đường bên phải theo hướng từ cầu B đi ngã tư A đi đến, còn cách xe ô tô của D khoảng 20 mét. Khi xe ô tô 14A-222.76 vừa đi vào Quốc lộ A thì đầu bên trái xe ô tô va chạm với cánh yếm bên phải xe gắn máy do ông T điều khiển, làm xe gắn máy bị đổ trượt về hướng ngã tư A, ông T ngã ra đường.

Hậu quả: Ông Phạm Văn T bị thương, tổn hại 80% sức khỏe; xe gắn máy biển số 14AA-007.19 bị hư hỏng thiệt hại 482.000đ (bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Kết quả khám nghiệm hiện trường thể hiện: Hiện trường còn nguyên vẹn. Khám nghiệm với điều kiện ban ngày, trời nắng, không mưa, mặt đường khô. Đoạn đường xảy ra tai nạn là đường đôi trong khu vực đông dân cư, giữa đường có dải phân cách cứng cố định chia đường thành hai chiều riêng biệt. Mỗi chiều đường có 04 làn. Vị trí xảy ra tai nạn trên chiều đường từ cầu B đi ngã tư A rộng 13,1m có vạch sơn màu trắng nét đứt, nét liền phân chia chiều đường thành 04 làn xe đi. Tính từ dải phân cách theo hướng từ trái sang phải, làn thứ nhất rộng 4m, làn thứ 2, thứ 3 rộng 3,5m, làn thứ tư rộng 2,1m. Mặt đường trải bê tông nhựa tương đối thẳng, phẳng, không bị che khuất tầm nhìn. Hiện trường

nơi xảy ra tai nạn trên chiều đường từ cầu B đi ngã tư A. Phía trước khu vực hiện trường có biển báo “Giao nhau với đường không ưu tiên” và có lối vào, lối ra của Cửa hàng X số 1, lối ra rộng 34m. Lấy cột H (Km 113+600) trên dải phân cách cứng giữa đường làm mốc chuẩn. Lấy mép ngoài của vạch giới hạn làn đường xe chạy bên phải chiều đường hướng cầu B đi ngã tư A làm mép chuẩn. Hiện trường để lại dấu vết: 01 vết cày xước kích thước (15,8x0,65)m trên làn đường sát mép chuẩn, có chiều hướng từ cầu B đi ngã tư A. Điểm đầu cách mép chuẩn 1,25m, điểm cuối trùng với giá đỡ chân của xe gắn máy biển số 14AA-007.19. Xe ô tô biển số 14A-222.76 dừng đỗ sát mép đường trên làn đường sát mép chuẩn, có chiều hướng đầu xe quay về ngã tư A, đuôi xe quay về cầu B, trục bánh lốp sau bên trái cách đầu vết cày là 5,35m, trục bánh trước và trục bánh sau bên phải xe ô tô 14A-222.76 cách mép chuẩn đều là 0,1m. Xe gắn máy biển số 14AA-007.19 ở tư thế đổ nghiêng sang bên trái ở giữa làn đường thứ 3 và thứ 4. Đầu xe quay về cầu B, đuôi xe quay về ngã tư A. Trục bánh lốp trước của xe cách mép chuẩn là 2,85m, cách trục bánh lốp trước bên trái xe ô tô biển số 14A-222.76 là 7,4m. Trục bánh lốp sau cách mốc chuẩn là 23,85m. 01 đám máu kích thước (1,3x0,5)m trên làn đường thứ 4. T2 của đám máu cách mép chuẩn 0,65m, cách trục bánh lốp sau của xe gắn máy biển số 14AA-007.19 là 1,7m.

Kết quả khám nghiệm xe ô tô biển số 14A-222.76 thể hiện: Padosoc bên trái bị tỳ chùi mất bụi, xước nhựa diện (40x45)cm, điểm thấp nhất cách đất 25 cm, hướng từ trước về sau. Tai xe bên trái tiếp giáp padosoc bị mài xước kim loại hướng từ trước về sau trên diện (25x9)cm, điểm thấp nhất cách đất 59cm. La răng phía trước bên trái bị mài xước kim loại diện (9x4)cm, điểm gần nhất cách chân van 30cm. Hệ thống an toàn kỹ thuật hoạt động bình thường.

Kết quả khám nghiệm xe gắn máy biển số 14AA-007.19 thể hiện: Phía bên trái xe: Cụm gương chiếu hậu bị tỳ đẩy cong gập hướng từ sau về trước, mặt gương hướng lên trên. Ốp nhựa đầu xe tiếp giáp cụm đèn tín hiệu bị bung bật chốt liên kết. Đầu tay nắm ghi đông, mặt ngoài giá đỡ chân phía trước - sau, cụm đèn tín hiệu phía sau, mặt ngoài cần gạt chân chống giữa bị mài xước. Phía bên phải xe: Cánh yếm bị tỳ chùi mất bụi, dăm dính chất màu đen, hướng từ sau về trước. Giá đỡ chân phía trước, cần bàn đạp phanh phía sau bị tỳ đẩy hướng từ trước về sau. Hệ thống an toàn kỹ thuật: Phanh phía sau bị hư hỏng do tai nạn không kiểm tra được. Các bộ phận khác hoạt động bình thường.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 625/KLTTCT-TTPY ngày 29/10/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Q kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông T tại thời điểm giám định là 80%.

Kết luận khác: tỷ lệ tổn thương cơ thể tăng lên do di chứng thất ngôn B, liệt VII trung ương trái và đo được chiều dài đường gãy xương thái dương đỉnh chằm phải.

Kết quả xét nghiệm của Lê Văn D thể hiện: Định lượng còn dưới ngưỡng phát hiện và âm tính với ma túy.

Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HDDGTS ngày 25/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự phường B kết luận: thiệt hại của xe gắn máy biển số 14AA- 007.19 là 482.000đ (bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng), thiệt hại của xe ô tô biển số 14A-222.76 là 980.000đ (chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Kết luận giám định số 1458/KL-KTHS ngày 30/9/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận: Xe ô tô biển số 14A-222.76 và xe gắn máy biển số 14AA-007.19 có va chạm với nhau, vị trí va chạm giữa hai xe tại đầu bên trái xe ô tô với cánh yếm bên phải xe gắn máy, khi va chạm hai xe đang di chuyển tiến trên đường. Vị trí va chạm giữa hai xe trên làn đường sát mép đường bên phải theo hướng di chuyển của xe gắn máy biển số 14AA-007.19, thuộc phần đường dành cho phương tiện giao thông di chuyển theo hướng từ cầu B về ngã tư A.

Bị cáo Lê Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Ngoài ra D khai: Khi bắt đầu quan sát thấy xe gắn máy của ông T, D đã đạp nhẹ phanh cho xe đi chậm lại sau đó tiếp tục điều khiển xe đi chéch vào Quốc lộ A nhưng khi xe vừa vào Quốc lộ A thì xảy ra va chạm với xe gắn máy do ông T điều khiển. D đã điều khiển xe ô tô vào sát mép đường bên phải sau đó xuống xe.

Hiện nay, bị hại - ông Phạm Văn T đang bị thất ngôn Broca.

Anh Phạm Văn K, chị Phạm Thị T1, bà Nguyễn Thị H1 là vợ và con đẻ của bị hại – ông Phạm Văn T có đều có lời khai không chứng kiến sự việc tai nạn xảy ra, chỉ được thông báo việc ông T bị tai nạn đang cấp cứu tại Bệnh viện B1. Gia đình bị hại đã giải quyết bồi thường xong phần dân sự với bị cáo, không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn yêu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người làm chứng - Chị Vũ Thị H2, sinh năm 1980; nơi cư trú: tổ D, khu D, phường H, tỉnh Quảng Ninh có lời khai phù hợp với nội dung diễn biến sự việc nêu trên. Sau khi mua xăng xong, D tiếp tục điều khiển xe ô tô chở chị đi về phía phường T với tốc độ chậm. Lúc này chị H2 ngồi ở hàng ghế sau và sử dụng điện thoại không để ý D điều khiển xe như thế nào. Khi thấy xe D điều khiển hơi phanh, chị H2 nhìn về phía trước xe ô tô thì thấy 01 xe máy và 01 người đàn ông

đang ngã, trượt trên mặt đường theo hướng từ phía cầu B về ngã tư A. Người đàn ông sau đó bất tỉnh và được đưa đi bệnh viện cấp cứu.

Quá trình điều tra, xác định: xe ô tô biển số 14A-222.76, đăng ký mang tên anh Lê Quang H3, sinh năm: 1983; nơi cư trú: tổ C, khu C, phường H, anh H3 đã bán chiếc xe trên cho Lê Văn D từ năm 2019, chưa làm thủ tục sang tên. Xe gắn máy biển số 14AA-007.19 đăng ký mang tên ông Đinh Văn T3, sinh năm: 1963; nơi cư trú: tổ D, khu C, phường V, ông T3 đã bán chiếc xe trên cho ông T vào ngày 15/7/2025, chưa kịp làm thủ tục sang tên thì ông T bị tai nạn.

Tại Công văn số 245/SXD-QLKCHT&ATGT ngày 12/01/2026 của Sở xây dựng tỉnh Q cung cấp: *“tại khu vực lề đường bên phải Quốc lộ A theo hướng từ cầu B về phía ngã tư A có bố trí biển báo I.428a “cửa hàng xăng dầu” và biển báo W.207b “giao nhau với đường không ưu tiên”. Căn cứ quy định tại điểm a mục C.7 phụ lục C-“ý nghĩa, sử dụng biển báo nguy hiểm và cảnh báo” QCVN41:2024/BGTVT, biển báo W.207b được lắp đặt trên đường ưu tiên nhằm báo sắp đến vị trí giao nhau với đường không ưu tiên, trong đó có các đường nhánh ra, vào cơ sở dịch vụ như cửa hàng xăng dầu”.*

Tại Cáo trạng số: 46/CT-VKSKV1 ngày 04/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Lê Văn D về tội *“Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”* theo điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố bị cáo Lê Văn D và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Lê Văn D phạm tội *“Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”*. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn D từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lê Văn D cho Ủy ban nhân dân phường H, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo Lê Văn D có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe số 220074000193 hạng B2 do Sở G cấp ngày 08/12/2022, có giá trị đến ngày 08/12/2032.

Quá trình khai báo bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, việc bị đưa ra xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, việc khai báo tự nguyện không bị ép buộc. Lời nói sau cùng của bị cáo: đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bảo đảm các quyền, nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, bị can, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Qua tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn D thừa nhận: khoảng 11 giờ 45 phút, ngày 01/8/2025, tại Km 113+600, Quốc lộ A thuộc tổ D, khu A, phường B, tỉnh Quảng Ninh, Lê Văn D điều khiển xe ô tô biển số 14A-222.76 từ Cửa hàng X đi ra Quốc lộ A, không nhường đường cho xe đi từ đường ưu tiên, đã đâm vào xe gắn máy biển số 14AA-007.19 do ông Phạm Văn T điều khiển đi trên Quốc lộ A theo hướng từ cầu B đi ngã tư A. Hậu quả: ông T bị thương, tổn hại 80% sức khỏe; xe gắn máy biển số 14AA-007.19 bị hư hỏng thiệt hại 482.000đ (bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Nguyên nhân xảy ra tai nạn do bị cáo Lê Văn D điều khiển xe ô tô tham gia giao thông đường bộ không nhường đường cho xe đi từ đường ưu tiên nên đã vi phạm đã vi phạm khoản 1 Điều 22 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của

người làm chứng. Lời khai của bị cáo phù hợp với sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông, bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống, video hình ảnh do Cơ quan điều tra thu thập được và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Văn D phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì đã trực tiếp xâm phạm đến an toàn trật tự của hoạt động giao thông đường bộ, xâm phạm đến sức khỏe, tài sản của người khác. Tai nạn giao thông đang là vấn nạn trên toàn quốc, hàng năm cướp đi hàng nghìn sinh mạng con người, gây thiệt hại rất lớn về kinh tế, gây tâm lý bất an cho mọi người, để lại nhiều hậu quả xấu cho xã hội. Bị cáo là người trưởng thành, biết và nhận thức rõ các quy định về an toàn giao thông đường bộ, nhận thức được phương tiện giao thông cơ giới do mình điều khiển là nguồn nguy hiểm cao độ. Khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông phải có ý thức chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an toàn giao thông đường bộ. Tuy nhiên, khi điều khiển xe ô tô chuyển hướng bị cáo đã chủ quan, không chú ý quan sát, nên gây ra tai nạn, làm thiệt hại đến sức khỏe, tài sản của ông Phạm Văn T. Điều đó thể hiện bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật, chủ quan, coi thường sức khỏe, tài sản của người khác. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được lên án và xử lý thỏa đáng, đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, cũng như góp phần vào công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm trong cộng đồng.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục thiệt hại về sức khỏe, tài sản cho bị hại ông Phạm Văn T, ông T có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Hội đồng xét xử đánh giá bị cáo có khả năng tự cải tạo nên

không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách tương ứng và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú và gia đình để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách là phù hợp. Điều đó cũng đáp ứng được mục đích của hình phạt, để bị cáo thấy được sự nhân đạo của pháp luật mà cải tạo mình cho tốt.

[5] Về hình phạt bổ sung: xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe ô tô biển số 14A-222.76, nhãn hiệu Toyota, số loại Vios E, màu sơn đen, số khung: RL4B29F37G5003436, số máy: 2NRX068763: quá trình điều tra, xác định xe ô tô biển số 14A-222.76, đăng ký mang tên anh Lê Quang H3, sinh năm: 1983; nơi cư trú: tổ C, khu C, phường H, tỉnh Quảng Ninh, anh H3 đã bán chiếc xe trên cho Lê Văn D từ năm 2019, chưa làm thủ tục sang tên; Cơ quan điều tra đã trả lại cho Lê Văn D nên không đề cập giải quyết.

- Đối với xe gắn máy biển số 14AA-007.19, nhãn hiệu Cupthai, số loại CKD50A, màu sơn vàng, số khung: RP2CCB1UMGA5, số máy: RL8139FMBL1SG50166: quá trình điều tra, xác định xe gắn máy biển số 14AA-007.19 đăng ký mang tên ông Đinh Văn T3, sinh năm: 1963; nơi cư trú: tổ D, khu C, phường V, ông T3 đã bán chiếc xe trên cho ông T vào ngày 15/7/2025, chưa kịp làm thủ tục sang tên thì ông T bị tai nạn. Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Phạm Văn T nên không đề cập giải quyết.

- Đối với 01 giấy phép lái xe số 220074000193 hạng B2 do Sở G cấp ngày 08/12/2022, có giá trị đến ngày 08/12/2032 là giấy tờ cá nhân, bị cáo không bị áp dụng hình phạt bổ sung, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại Giấy phép lái xe nêu trên cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: đối với thương tích của ông T, bị cáo Lê Văn D đã bồi thường cho ông T số tiền là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng). Đối với thiệt hại của xe gắn máy biển số 14AA-007.19, ông T không có yêu cầu bồi thường. Ông T và đại diện gia đình đã nhận đủ số tiền trên, không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về biện pháp ngăn chặn: do bị cáo không bị áp dụng hình phạt chính là tù có thời hạn, nên Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 51/2026/LCĐKNCT ngày 04/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh đối với bị cáo Lê Văn D.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Lê Văn D phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Lê Văn D 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/4/2026).

Giao bị cáo Lê Văn D cho Ủy ban nhân dân phường H, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lê Văn D 01 giấy phép lái xe số 220074000193 hạng B2 do Sở G cấp ngày 08/12/2022, có giá trị đến ngày 08/12/2032.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 51/2026/LCĐKNCT ngày 04/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh đối với bị cáo Lê Văn D.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Văn D phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người

đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại; Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh;
- Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh; Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh; Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Cúc

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long;
- CQĐT Công an TP. Hạ Long, CQTHAHS Công an thành phố Hạ Long;
- Công an thành phố Hạ Long;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP. Hạ Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Cúc

